

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[Mẫu số 52-DS]

Bản án số: 144 /2018/HNGĐ - ST

Ngày 04 /9 /2018

V/v : “ Tranh chấp về ly hôn,
về nuôi con chung ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng V

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông phạm Minh T

2. Bà Nguyễn Thị L

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị V - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn L.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 57 /2018/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2018; về việc: “ Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121 /2018/QĐXX - HN, ngày 15 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị S - sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

2. *Bị đơn:* Nguyễn Quang M - sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của bên nguyên đơn chị Huỳnh Thị S trình bày: Vào năm 2004, Chị S làm Công ty may đã gặp và quen nhau với anh M lúc đó làm ở Công ty giày dép. Qua tìm hiểu một thời gian, hai người tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào tháng 3 năm 2005 tại UBND xã T, có tổ chức cưới. Hai

người có hai con chung là Nguyễn Hoài N- sinh ngày 30/4/2006, cũng trong năm 2006 anh M bị tâm thần, sau đó bớt bệnh thì năm 2008 sinh con thứ hai tên Nguyễn Chấn K - sinh ngày 13/10/2008.

Do trong quá trình cuộc sống vợ chồng, anh M cứ thường xuyên đánh chị, tuy vợ chồng đã có nhà ở riêng nhưng cũng trong phạm vi đất của cha mẹ chồng. Bản thân anh M luôn phụ thuộc gia đình, từ đó vợ chồng mất tình cảm, tháng giêng/ 2018 (DL), chị S bỏ vào Qui Nhơn thuê nhà ở làm nghề may. Nay chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh M. Chị yêu cầu nuôi 01 con chung tên Nguyễn Chấn K, giao con chung tên Nguyễn Hoài N cho anh M nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. về tài sản chung không có, không nợ ai.

- Bên bị đơn anh Nguyễn Quang M trình bày: Anh M hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị S tại Tòa án, anh M đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung: Anh M yêu cầu nuôi hết hai con và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Vào năm 2004, chị S làm Công ty may đã gặp và quen nhau với anh M lúc đó làm ở Công ty giày dép. Qua tìm hiểu một thời gian, hai người tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào tháng 3 năm 2005 tại UBND xã T, có tổ chức cưới. Hai người có hai con chung là Nguyễn Hoài N - sinh ngày 30/4/2006, cũng trong năm 2006 anh M bị tâm thần, sau đó bớt bệnh thì năm 2008 sinh con thứ hai tên Nguyễn Chấn K - sinh ngày 13/10/2008 là thực tế.

Do trong quá trình cuộc sống vợ chồng, anh M cứ thường xuyên đánh chị, tuy vợ chồng đã có nhà ở riêng nhưng cũng trong phạm vi đất của cha mẹ chồng. Bản thân anh M luôn phụ thuộc gia đình, từ đó vợ chồng mất tình cảm, tháng giêng/ 2018 (DL), chị S bỏ vào Qui Nhơn thuê nhà ở làm nghề may. Nay chị S thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh M. Chị yêu cầu nuôi 01 con chung tên Nguyễn Chấn K, giao con chung tên Nguyễn Hoài N cho anh M nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; về tài sản chung không có, không nợ ai.

- Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân đã thụ lý vụ án và xác định đây là “ Tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung ” được Pháp luật qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Tòa án đã tiến hành việc giao nhận tài liệu, chứng cứ; xác minh, thu thập chứng cứ được qui định tại các Điều 96, 97, 98, 99, 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tiến hành các bước mở phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại các Điều 179, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn chị S: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và thực tế hai người đã không sống chung với nhau từ nhiều tháng nay nên có kéo dài quan hệ vợ chồng thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Tại Tòa án cả chị Sương và anh Miên đều tự nguyện thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử xét nên chấp nhận.

Về con chung: Chị S yêu cầu nuôi 01 con chung, giao cho anh M nuôi 01 con chung. Nhưng xét, hiện nay các con đang ở với anh M cùng ông, bà nội ăn học, sinh hoạt ổn định; chị S hiện thuê nhà ở Qui Nhơn, làm công nhân nên việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là không đảm bảo. Tòa án đã làm việc với các con chung của chị S và anh M, các cháu đều có nguyện vọng ở với cha nên cần giữ nguyên sự ổn định đó là phù hợp. Do vậy; Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nuôi 01 con chung Nguyễn Chấn K của chị S.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3]. Xét yêu cầu của bị đơn anh M: Tại Tòa án, anh Miên thừa nhận tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị S không còn, thực tế hai người đã không sống chung với nhau từ nhiều tháng nay. Tuy vào năm 2006, anh M có bệnh tâm thần (có sổ) cấp thuốc ngoại trú, nhưng đến năm 2008 thì đã khỏi bệnh, anh M đã có con chung thứ hai với chị S. Hiện tại gia đình xác định anh M đã khỏi bệnh tâm thần, đang bình thường. Tại Tòa án cả chị S và anh M đều tự nguyện thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử xét nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai người.

Về con chung: Anh M yêu cầu nuôi hết hai con chung, xét yêu cầu của anh M thấy rằng: Năm 2006, anh M có bệnh tâm thần, nhưng đến năm 2008 thì đã khỏi bệnh, anh M đã có con chung thứ hai với chị S. Hiện tại gia đình xác định anh M đã khỏi bệnh tâm thần, đang bình thường. Các cháu ở với anh M lâu nay cùng ông, bà nội ổn định; các cháu có nguyện vọng ở với cha; Hội đồng xét xử xét yêu cầu của anh M là có cơ sở nên chấp nhận và cần giữ nguyên sự ổn định đó là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4]. Từ các căn cứ và nhận định trên; Hội đồng xét xử xét cần tuyên như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Quang M.

- Về nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Huỳnh Thị S.

Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoài N - sinh ngày 30/4/2006, Nguyễn Chấn K - sinh ngày 13/10/2008 cho anh M nuôi dưỡng, chị S không cấp dưỡng nuôi con chung; chị Sương được quyền thăm nom, săn sóc con chung là hoàn toàn phù hợp với qui định tại các Điều 51, 53, 54, 55, 81, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; cần tuyên buộc chị Sương nộp theo qui định.

[6]. Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, thư ký tiến hành tố tụng, Hội thẩm nhân dân tham gia Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn, giao 02 con chung cho bị đơn nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Tòa án; Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 54, 55, 81, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị S và Nguyễn Quang M.

Về nuôi con chung:

- Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Huỳnh Thị S.

- Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoài N - sinh ngày 30/4/2006, Nguyễn Chấn K - sinh ngày 13/10/2008 cho anh M nuôi dưỡng, chị S không cấp dưỡng nuôi con chung; chị S được quyền thăm nom, săn sóc con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Huỳnh Thị S nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007572 ngày 16/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi thành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Theo Điều 269 BLTTDS;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa